

Tỉnh Trà Vinh nằm ở phía đông nam Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) giữa 2 con sông lớn là sông Cổ Chiên và sông Hậu. Phía đông bắc Trà Vinh giáp Bến Tre được ngăn cách bởi sông Cổ Chiên (một nhánh của sông Tiền), phía tây nam giáp Sóc Trăng và Cần Thơ qua ranh giới sông Hậu, phía tây giáp Vĩnh Long, phía đông là biển Đông.

Tỉnh Trà Vinh có diện tích tự nhiên là: 222.567 ha với 8 đơn vị hành chính gồm thị xã Trà Vinh và các huyện: Càng Long, Cầu Kè, Tiểu Cần, Châu Thành, Trà Cú, Cầu Ngang và Duyên Hải.

Trà Vinh không có quốc lộ 1 đi qua, sông Cổ Chiên tàu bè đi lại không nhiều nên việc cung cấp vật tư nông nghiệp và tiêu thụ nông sản gặp nhiều khó khăn. Vì vậy chúng tôi đã khảo sát và nghiên cứu thực trạng thị trường

Bảng 1: Số phiếu điều tra chia theo huyện

Các huyện	Số hộ (người)	Tỷ trọng (%)
1. Cầu Ngang	266	28,7
2. Châu Thành	245	26,4
3. Tiểu Cần	93	10,0
4. Trà Cú	84	9,1
5. Cầu Kè	79	8,5
6. Duyên Hải	77	8,3
7. Càng Long	49	5,3
8. Thị xã Trà Vinh	35	3,8
Tổng	928	100

Nguồn: Kết quả phỏng vấn điều tra trực tiếp

Thực trạng thị trường đầu vào của sản xuất nông nghiệp tỉnh Trà Vinh và các đề xuất

PGS.TS. PHƯỚC MINH HIỆP
ĐH Cần Thơ



các yếu tố đầu vào từ đó đề xuất những giải pháp hợp lý nhằm cung cấp kịp thời cây con giống và vật tư nông nghiệp cho nông dân tỉnh nhà.

1. Thông tin chung về hộ sản xuất

Để đảm bảo tính khách quan và độ tin cậy cao, chúng tôi điều tra các hộ theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên. Do đặc trưng của Tỉnh Trà Vinh chủ yếu là dân tộc Kinh và dân tộc Khmer sinh sống (dân tộc Hoa rất ít và chủ yếu tập trung ở thị xã), nên số phiếu điều tra của hộ người dân tộc Kinh là 634 phiếu chiếm tỷ lệ 68,3 %, điều tra hộ dân tộc Khmer có 294 phiếu chiếm 31,7 % so với tổng số phiếu điều tra.

Tổng số phiếu điều tra toàn tỉnh là 928 phiếu, được chia theo địa bàn huyện, thị qua bảng sau:

2. Thị trường cung cấp vật tư nông nghiệp

2.1 Thị trường phân bón và thuốc bảo vệ thực vật dùng trong sản xuất nông nghiệp:

Trên thị trường nước ta hiện nay, chủng loại phân bón và thuốc bảo vệ thực vật dùng trong nông nghiệp rất đa dạng và phong phú. Điều đó đòi hỏi người nông dân phải hiểu biết và sử dụng đúng các loại phân bón (liều lượng, thời điểm bón, cách phối hợp các loại phân...) cho từng loại cây trồng trên từng loại đất thì mới mang lại hiệu quả kinh tế cao, vừa tăng được sản lượng và chất lượng nông sản, vừa tiết kiệm được chi phí sản xuất, vừa hạn chế đến mức thấp nhất tác hại của các loại phân thuốc đối với môi trường.

Hệ thống phân phối về phân bón và thuốc bảo vệ

thực vật xuống tới tận xã ấp, nông dân chỉ cần đến các cửa hàng vật tư nông nghiệp tại địa phương mình là sẽ mua được đầy đủ vật tư nông nghiệp. Theo kết quả điều tra thực tế, số hộ mua tại xã ấp chiếm tới 56,0%, vì thuận tiện gần nhà và tiết kiệm chi phí vận chuyển, đôi khi họ còn được mua chịu chậm trả và nó đã trở thành thói quen của người dân. Một số nông dân khác có điều kiện hơn về kinh tế, họ đến mua tại các cửa hàng lớn ở chợ huyện mới có khả năng đáp ứng được nhu cầu sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu của họ, số này chiếm 28,2%. Tại đây họ được chọn lựa nhiều mặt hàng, chủng loại phân-thuốc, chất lượng hàng hóa được đảm bảo hơn và các chủ cửa hàng có uy tín hơn, do vậy họ sẵn sàng đánh đổi chi phí và quãng đường xa hơn để có được sự thỏa mãn như mong đợi. Bên cạnh đó, cũng có một số người mua (chiếm 15,8%) phân-thuốc ở bất kỳ nơi nào khác khi thấy tiện lợi và tin tưởng vào sản phẩm mình đang mua là tốt.

2.2 Thị trường thức ăn cho gia súc, gia cầm:

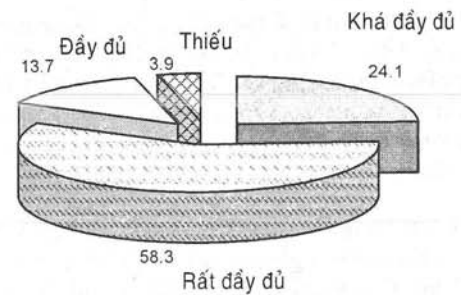
Qua số liệu điều tra thực tế trên địa bàn tỉnh, ta thấy các loại thức ăn được người dân sử dụng trong chăn nuôi gia súc, gia cầm khá đa dạng. Cụ thể như sau: Tăm, cám là sản phẩm phụ của lúa nên hầu hết các hộ nông dân ở nông thôn đều có và họ thường sử dụng hai loại thức ăn chủ yếu này để chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện thêm thu nhập của nhà nông. Theo số liệu điều tra thì số hộ nông dân có chăn nuôi sử dụng cám chiếm tới 70,5% và có sử dụng tấm chiếm 32,9% so với tổng số hộ chăn nuôi. Riêng loại thức ăn hỗn hợp của các nhà sản xuất trong và ngoài nước đang cung cấp trên thị trường hiện nay cũng được nhiều hộ nông dân chăn nuôi quan tâm và sử dụng. Trên thực tế số hộ sử dụng loại thức ăn hỗn hợp chiếm 63,2%, tập trung chủ yếu ở các hộ chăn nuôi dạng công nghiệp. Đối với các hộ chăn nuôi ít, nhằm tận dụng các sản phẩm phụ từ nông nghiệp và các nguồn thức ăn thừa của gia đình, nên họ ít sử dụng loại thức ăn hỗn hợp, trừ khi vật nuôi còn nhỏ hoặc trong thời kỳ sinh sản.

Ngoài các thức ăn cơ bản như tấm, cám, thức ăn hỗn hợp, để đảm bảo cho vật nuôi tăng trưởng và phát triển tốt, giảm thời gian nuôi, đồng thời tăng phẩm chất vật nuôi, người ta còn sử dụng các loại thuốc kích thích tăng trưởng, bột cá... với liều lượng thích hợp cho vật nuôi. Tuy nhiên số hộ chăn nuôi dùng loại chất tăng trưởng chiếm tỷ lệ 22,1%, sử dụng chất bột cá chiếm tỷ lệ 13,4%. Vì những loại chất này thường bán giá cao, nên người chăn nuôi hạn chế sử dụng. Bên cạnh đó, hộ chăn nuôi còn sử dụng các loại thức ăn tươi có sẵn của mình như rau, chuối cây, bèo, hay các thức ăn dư thừa chiếm tỷ lệ 12,9%.

2.3 Thị trường cây giống và con giống:

Trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, cây giống và con giống là những yếu tố quan trọng quyết định năng suất, chất lượng của sản phẩm thu hoạch. Vì vậy việc lựa chọn nguồn giống tốt, đảm bảo đúng tiêu chuẩn và đủ số lượng cho nông dân sản lượng là một vấn đề nan giải của các nhà nghiên cứu tạo giống và các nhà quản lý hiện nay.

Từ kết quả điều tra, ta thấy số hộ nông dân sử dụng các loại cây có sẵn của gia đình từ các vụ trước để làm



Hình 1: Khả năng đáp ứng phân - thuốc của các địa điểm cung cấp.

giống tiếp tục gieo trồng cho những vụ sau, số hộ này chiếm tỷ lệ 60,1% so với tổng số hộ điều tra.

Bên cạnh đó, số hộ nông dân sử dụng cây giống từ các vườn ươm trong xóm để trồng chiếm tới 25,1%, đôi khi họ cũng đến mua ở xã lân cận khác chiếm tỷ lệ khá nhiều (17,9%). Đặc biệt là không ít hộ (chiếm 14,5%) sử dụng nguồn giống từ các ghe bán dạo từ Bến Tre chở qua, không có cơ sở nào để khẳng định đây là nguồn giống tốt. Điều này cho thấy thị trường cung cấp về giống cây trồng vật nuôi trên địa bàn chưa được quan tâm đúng mức, cho nên nói sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến khả năng phát triển về sản xuất nông nghiệp.

Qua trao đổi trực tiếp với người nuôi, thì có 51,9% hộ nuôi cho biết nguồn gốc vật nuôi chủ yếu mua từ các hộ trong xóm, vì họ cảm thấy rằng giống vật nuôi của bà con là tốt nên họ quyết định chọn mua. Đa số các hộ này đều chăn nuôi theo hướng lấy thịt, nên việc sử dụng vật nuôi có sẵn để nhân ra làm giống, tỷ lệ này chiếm 21,5% số hộ chăn nuôi, mặt khác vì có ít vốn nên họ chỉ nuôi với qui mô nhỏ khoảng 2-3 con/lứa để nâng cao thêm thu nhập gia đình. Ngoài ra họ có thể mua vật nuôi ở chợ, thường có giá rẻ hơn so với mua ở xóm, nhưng chất lượng vật nuôi không xác định được nguồn gốc. Còn những trường hợp họ đến trại giống để mua về nuôi hầu như rất ít.

Riêng đối với bò giống, do đây là một trong những tỉnh có điều kiện khá thuận lợi cho việc chăn nuôi bò, nên chủ trương chính sách của Tỉnh ưu tiên phát triển. Trong thời gian gần đây, có nhiều hộ nuôi bò đã tiếp nhận được những giống bò mới có năng suất và chất lượng cao từ các chương trình khuyến nông của Tỉnh. Đây là một trong những việc mà các ngành có liên quan cần phải quan tâm và có những chủ trương khuyến khích, hỗ trợ kịp thời giúp cho hộ chăn nuôi có nhiều điều kiện thuận lợi hơn để sản xuất.

2.4 Một số nhân tố ảnh hưởng đến nguồn các yếu tố đầu vào:

2.4.1 Hình thức thanh toán khi mua hàng:

Do mức độ cạnh tranh trong việc tiêu thụ vật tư nông nghiệp ngày càng cao, đồng thời nguồn vốn sản xuất của nông dân có hạn nên có nhiều cửa hàng bán vật tư nông nghiệp sẵn sàng cho khách hàng của mình thanh toán theo hình thức gối đầu, chậm trả. Tuy nhiên hình thức mua này sẽ chịu chi phí cao hơn mua bằng tiền mặt, qua điều tra cho

thấy có đến 55,3% số hộ trả tiền mua vật tư nông nghiệp sau khi bán nông phẩm thu hoạch. Đối với các hộ có khả năng thanh toán ngay (chiếm 42,3%) thì sẽ tiết kiệm được một phần chi phí, có khi họ chỉ trả làm nhiều lần. Vấn đề này cũng phản ánh lên phần nào sự thiếu hụt vốn đầu tư trong sản xuất nông nghiệp của các nông hộ.

Khi mua thức ăn cho gia súc có 61,3% số hộ trả tiền mặt ngay một lần, vì người chăn nuôi luôn tận dụng nguồn thức ăn dư thừa nên mỗi lần mua thức ăn cho gia súc thì chi phí không lớn lắm nên họ thanh toán bằng tiền mặt ngay một lần cho tiện. Còn những người không có khả năng thanh toán ngay thì họ có thể thanh toán lần đầu 66,7% và sau khi bán sản phẩm mới thanh toán phần còn lại 33,7%.



Đối với các loại cây giống và con giống thì đa số hộ mua đều thanh toán cho người bán bằng tiền mặt chiếm tỷ lệ 86,4% so với tổng số hộ mua, vì chi phí mua cây giống hoặc con giống chỉ xuất hiện 1 hoặc 2 đợt mua cho nên họ muốn thanh toán ngay. Còn các hộ mua chậm trả hoặc sau khi bán sản phẩm mới thanh toán thì chiếm tỷ lệ 9 - 10%.

Khi mua vật tư, phân, thuốc cho sản xuất nông nghiệp, chúng ta thấy có 55,3% nông hộ phải chấp nhận mua chịu, vì không có đủ vốn sản xuất. Do vậy họ phải chấp nhận mức giá chênh lệch cao hơn, cụ thể đối với phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cao hơn khoảng 3,5 % so với thanh toán bằng tiền mặt. Còn thức ăn và con giống mức chênh lệch bình quân khi mua chịu cũng hơn 2%. Điều này phản ánh lên được phần nào những khó khăn của nông hộ trong quá trình sản xuất nhất là các hộ nghèo, họ đã không có đủ vốn sản xuất mà còn phải chịu phần chênh lệch giá, dẫn đến giá thành nông sản làm ra khá cao, ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận của họ, đồng thời còn gây khó khăn về vốn cho các nơi cung cấp yếu tố đầu vào phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

2.4.2 Lý do hộ sản xuất mua chịu hàng hóa:

Qua điều tra chúng ta thấy có nhiều lý do nông dân

mua chịu cây con giống và vật tư nông nghiệp, trong đó có một số lý do chủ yếu sau:

Bảng 2: Những lý do nông hộ mua chịu cây con giống và vật tư nông nghiệp

Lý do mua chịu	Phân - thuốc (%)	Thức ăn gia súc (%)	Cây, con giống (%)
- Không có khả năng	71,5	70,2	50,0
- Đầu tư vào việc khác	22,8	17,3	15,6
- Thói quen mua hàng	20,7	11,5	4,2
- Khác:	4,4	1,4	1,0

Nguồn: Kết quả phỏng vấn điều tra trực tiếp

Như vậy nguyên nhân chủ yếu nông hộ mua chịu cây con giống và vật tư nông nghiệp là nông dân thiếu vốn sản xuất, kể đến là do học có thể mua chịu còn tiền đầu tư vào việc khác.

2.4.3 Phương thức vận chuyển các yếu tố đầu vào:

Do nhu cầu đi lại của người dân và sự phát triển hệ thống giao thông nông thôn hiện nay của xã hội nên đa số người dân thường sử dụng phương tiện xe (chủ yếu là xe 2 bánh) để vận chuyển. Cụ thể loại phương tiện này được dân sử dụng để mua phân bón thuốc sâu chiếm 69,3%, mua thức ăn cho vật nuôi chiếm 58,7 % và mua cây-con giống chiếm 51,9% so với tổng số hộ. Số liệu thực tế cho thấy, gần 50% số hộ mua cây-con giống hoặc thức ăn cho vật nuôi dùng phương tiện xuống, ghe, còn các hộ mua phân thuốc thì dùng xe tiện lợi hơn.

2.4.4 Lý do chọn nơi mua: Qua điều tra, chúng ta có số liệu ở bảng sau:

Bảng 3: Các lý do chính họ chọn nơi để mua các yếu tố đầu vào (%)

Lý do chọn nơi mua	Phân - thuốc	Thức ăn gia súc	Cây, con giống
- Quen biết trước	77,5	65,3	36,4
- Giống tốt	-	-	47,2
- Giá bán rẻ	10,9	11,3	14,4
- Cân đong chính xác	8,4	12,9	-
- Thuận tiện gần nhà	30,6	23,2	19,0
- Cho mua chịu	45,3	26,3	5,9
- Nói chuyện vui vẻ	9,3	8,7	3,6
- Chất lượng tốt	9,8	12,4	-
- Người bán chở tới nhà	14,2	4,2	-
- Khác	1,7	0,8	4,9

Nguồn: Kết quả phỏng vấn điều tra trực tiếp

Qua bảng trên ta thấy đối với phân thuốc và thức ăn gia súc lý do nông hộ mua chủ yếu là do quen biết, thuận

tiện gần nhà và có thể mua chịu; còn đối với cây con giống yếu tố quyết định nông hộ mua là giống tốt và quen biết.

3. Một số đề xuất

3.1 Về mặt kỹ thuật:

Đẩy mạnh việc ứng dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến vào hoạt động sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, nhằm tăng thu nhập cho nông dân. Chẳng hạn ứng dụng gieo sạ hàng bằng công cụ cải tiến, dùng máy cất thẳng hàng, máy sấy lúa khô sau khi thu hoạch, sử dụng màn phủ nông nghiệp, áp dụng bón phân bằng kỹ thuật so màu lá lúa. Mặt khác Nhà nước khuyến khích các nhà máy xay xát, cần phải đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị để nâng cao chất lượng gạo hàng hóa, đáp ứng nhu cầu thu mua lau bóng gạo xuất khẩu. Chăn nuôi phải áp dụng mô hình kiểu nuôi công nghiệp nhằm làm giảm bớt diện tích chăn nuôi, không dùng phương pháp nuôi thả lang như trước đây, nên cho gia súc gia cầm ăn kết hợp những loại thức ăn hỗn hợp và pha trộn sẵn sẽ có nhiều chất đậm hơn, để nâng cao trọng lượng hướng tới "nạc hóa" sản phẩm. Đánh bắt thủy, hải sản cần đầu tư các phương tiện đánh bắt hiện đại, nâng cao trình độ đội ngũ đánh bắt,... có kỹ thuật để không làm hại môi trường và khai thác một cách bền vững. Nuôi trồng thủy sản phải có vùng quy hoạch, cơ sở hạ tầng cho nuôi trồng thủy sản nhất thiết phải đủ, điện, nước, thiết bị chuyên dùng và các dịch vụ thức ăn cho thủy sản như: cá, tôm, cua, ghẹ,... kỹ thuật nuôi thả phải thống nhất theo một quy trình nhất định nhằm tạo năng suất gia tăng, đẩy mạnh kim ngạch xuất khẩu. Đối với cây trồng và hoa màu cần áp dụng kỹ thuật gieo trồng đúng thời vụ, nhằm tận dụng những lợi thế sẵn có mà thiên nhiên ban tặng, nên áp dụng kỹ thuật bảo quản sau thu hoạch cho các loại mặt hàng nông sản này bảo đảm độ tươi sống, để kịp và đủ thời gian trong phân phối, tiêu thụ.

3.2 Giống cây trồng, vật nuôi:

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, lai tạo, phát triển các loại giống theo hướng ngày càng đạt năng suất, chất lượng cao hơn. Đồng thời, cần xây dựng chương trình đưa nguồn giống từ các viện nghiên cứu về tỉnh và huyện, tổ chức sản xuất giống thương mại để cung cấp cho các hộ nông dân. Vì đây là yếu tố quan trọng làm tăng năng suất và chất lượng sản phẩm phù hợp yêu cầu của thị trường. Đầu tư đổi mới tạo giống có năng suất cao với phương thức canh tác phù hợp, sẽ đạt hiệu quả kinh tế cao hơn, góp phần nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp của tỉnh. Bên cạnh đó, chính quyền địa phương cần kiểm soát các nguồn vật tư, tránh tình trạng vào vụ khan hiếm hàng hóa dẫn đến thiệt hại cho nông dân về giá cả, đặc biệt là các loại vật tư nông nghiệp.

3.3 Cơ cấu cây trồng, vật nuôi:

Điều chỉnh lại cơ cấu sản xuất nông nghiệp để tạo ra lượng sản phẩm hàng hóa chất lượng cao, giá thành hạ, bố trí lại các ngành hàng trong ngành nông nghiệp sao cho phù hợp với điều kiện tự nhiên và nhu cầu thị trường

của mỗi vùng. Muốn vậy chúng ta phải tiến hành chia địa bàn ra làm nhiều tiểu vùng sản xuất dựa trên những tiêu chuẩn về đặc điểm địa hình, thổ nhưỡng và khí hậu khác nhau. Mỗi một tiểu vùng sẽ bố trí những loại hình sản xuất phù hợp như: chuyên canh lúa, chuyên canh màu, luân canh lúa màu, cây ăn trái, chăn nuôi bò, nuôi trồng thủy sản... từng bước nâng cao hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích đất canh tác, góp phần cải thiện đời sống nông hộ. Song song đó, ở mỗi một tiểu vùng, cần xây dựng mô hình trình diễn canh tác tổng hợp, có hiệu quả trên cơ sở đó có thể nhân rộng ra cho toàn tiểu vùng.

3.4 Lao động có kỹ thuật nông nghiệp:

Hiện nay lực lượng lao động ở nông thôn nói chung có trình độ rất thấp, những năm gần đây hiện tượng đáng lo là thanh niên, kể cả thanh niên xuất thân từ nông thôn, không muốn học các ngành nghề liên quan đến nông nghiệp, nông thôn, các cán bộ khoa học kỹ thuật nông nghiệp và nhiều cán bộ thuộc các ngành nghề khác đều chủ yếu tập trung làm việc ở thành phố. Do đó các cấp chính quyền cần phải khẩn trương và kiên quyết thực hiện đồng bộ những giải pháp khuyến khích lực lượng lao động trí thức trẻ trong và ngoài Tỉnh để tăng cường cán bộ khoa học, công nghệ cho nông nghiệp, nông thôn, và nhiều ngành nghề khác. Bên cạnh đó, cần phải nâng cao trình độ ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất cho nông dân thông qua việc hướng dẫn cho các nông hộ cách thức chọn giống, chăm sóc cây trồng, vật nuôi, thường xuyên mở các lớp khuyến nông ở các huyện, xã, ấp để phổ biến cho nông dân cách thức gieo trồng một cách khoa học. Ngoài ra, có thể cho nông dân tiếp xúc trực tiếp với các kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi tiên tiến của các Tỉnh khác thông qua hình thức thăm quan, tham gia.

3.5 Mở rộng mạng lưới kênh phân phối:

Phát triển mạng lưới kênh phân phối vật tư nông nghiệp và giống cây con, hoàn thiện lại quy hoạch hệ thống chợ nông thôn, mở rộng quy mô hoạt động của các chợ đã có, nâng cấp một số chợ thành chợ đầu mối cung cấp giống cây con và vật tư nông nghiệp của tiểu vùng, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia các dịch vụ phục vụ cho nông nghiệp ở nông thôn.

Trà Vinh là một tỉnh nghèo của vùng ĐBSCL, nông dân còn thiếu vốn sản xuất và đang gặp không ít khó khăn khi mua cây con giống và vật tư nông nghiệp. chúng tôi hy vọng trong thời gian tới tỉnh Trà Vinh sẽ có những giải pháp phù hợp để tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân: cung cấp đủ cây con giống và vật tư nông nghiệp với chất lượng đảm bảo và giá hợp lý nhằm hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận và nâng cao đời sống nông dân trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn ■

Tài liệu tham khảo:

1. Báo cáo tổng kết của Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh các năm 2002, 2003, 2004.
2. Báo cáo tổng kết của Ủy ban nhân dân tỉnh các năm 2002, 2003, 2004.